

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 02 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 905/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1990

- Anh Nguyễn Văn B – sinh 1986

Cùng thường trú tại: P2403 Tòa nhà C Vinaconex – K, phường Đ, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận C, thành phố H. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh chị. Quá trình sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 7/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, mâu thuẫn không tháo gỡ được. Tháng 3 năm 2023 Chị L có làm đơn yêu cầu ly hôn với anh B, sau đó Chị L đã rút đơn về mong muốn cuộc sống vợ chồng có thể thay đổi, tuy nhiên từ đó đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chúng anh chị một con chung là Nguyễn Ngọc B L – sinh ngày 07/01/2019. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con cho Chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung (tài sản là động sản + bất động sản): Chị L và Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về nợ chung: Chị L, Anh B cùng xác nhận không có các khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận trên của anh chị được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Văn B cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị L và Anh B cùng xác nhận có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo L – sinh ngày 07/01/2019. Anh, chị thỏa thuận giao con cho Chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị L không yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Anh B cho đến khi có yêu cầu.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản + bất động sản): Chị L và Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L và Anh B xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị L đã nộp theo biên lai số 0010974 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Chị L đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, quận C, H (ĐKKH số 215 quyền số 02 ngày 11/12/2015);
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng T